CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cao su Hòa Bình

Ngày 31/03/2025	39,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**2.6%**	**-**

DT thuần
Q1/25
37.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.6| -58.5%
YoY: ▲ 8.40| 29.2%

LN thuần
Q1/25
1.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.5| -94.9%
YoY: ▲ 3.83| 171%

LN sau thuế
Q1/25
1.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼57.3| -97.6%
YoY: ▲ 1.02| 248%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
12.9%
YoY: +/-▼ 62.6%

ROE (TTM)
Q1/25
11.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

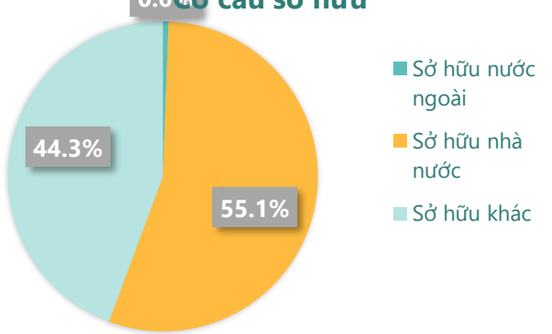
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,250 - 51,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,205
Số lượng CPLH (CP)	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,910
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	
EPS	2,205
P/E	18.1

DT thuần
2024
214
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0| 17.0%

LN thuần
2024
29.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0| 186%

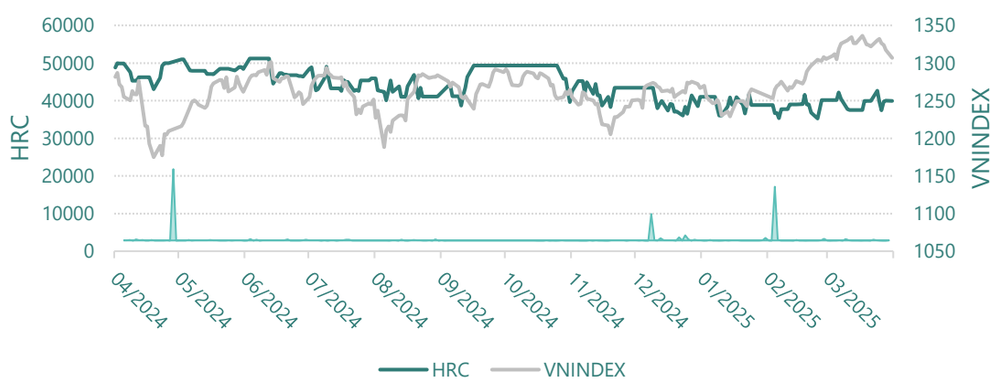
LN sau thuế
2024
61.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.4| 262%

Cơ cấu sở hữu

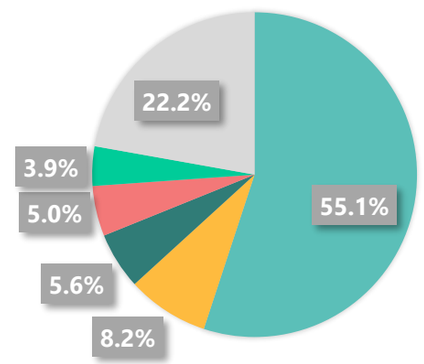


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

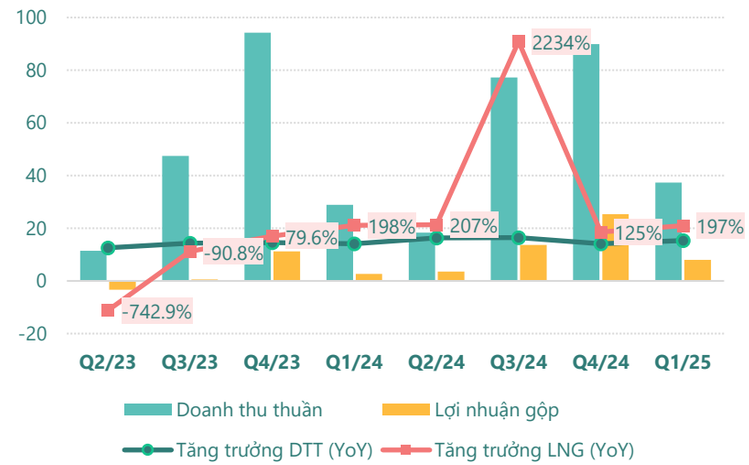


Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Nguyễn Lượng Khoa Toàn
Lê Thị Phương Nga
Nguyễn Thanh Thùy Minh
Trần Ngọc Xuân Trang
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

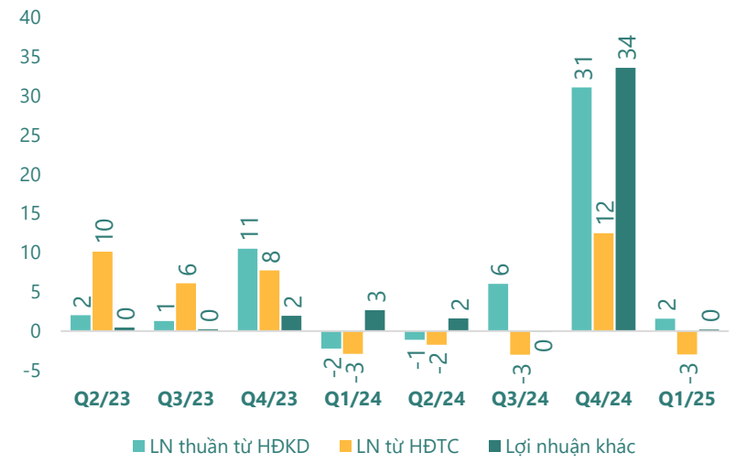
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



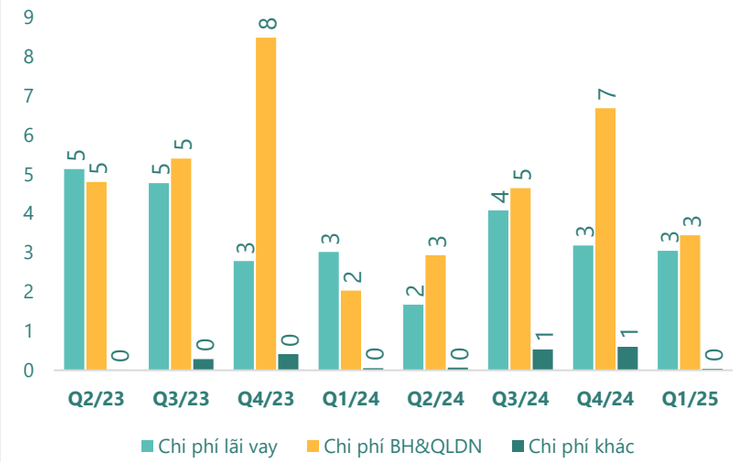
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



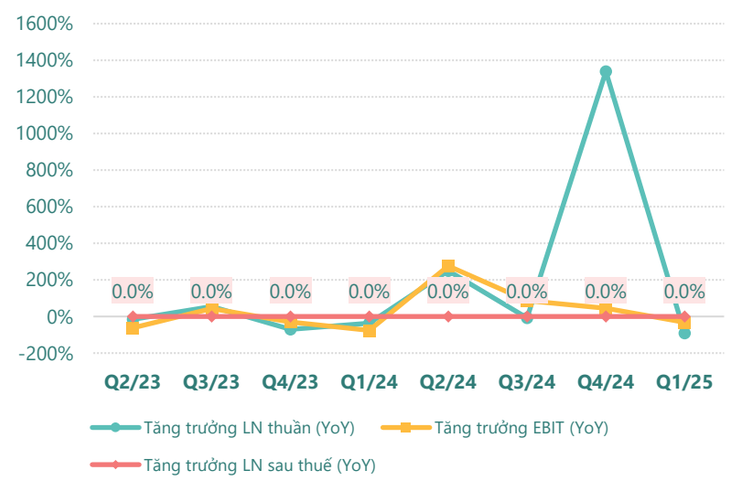
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



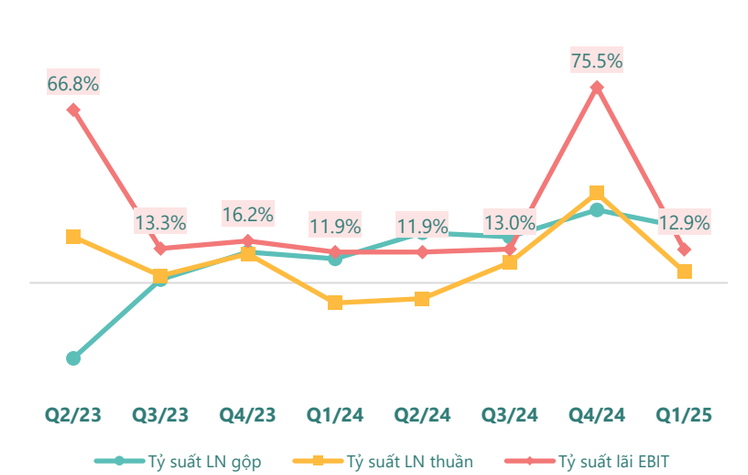
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



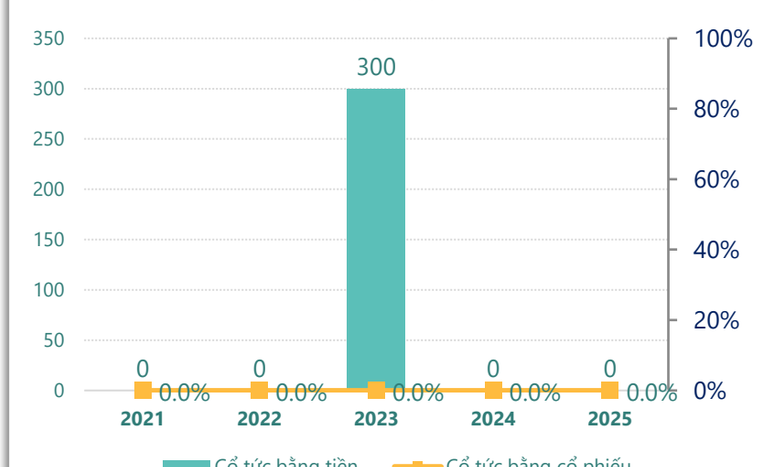
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

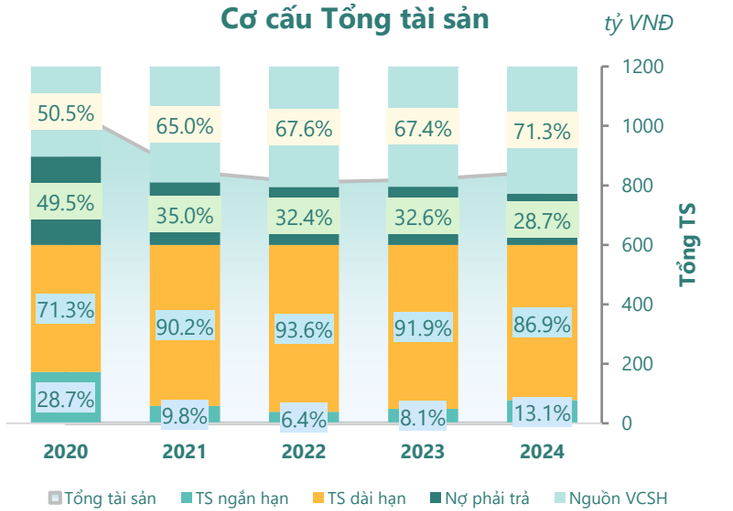
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

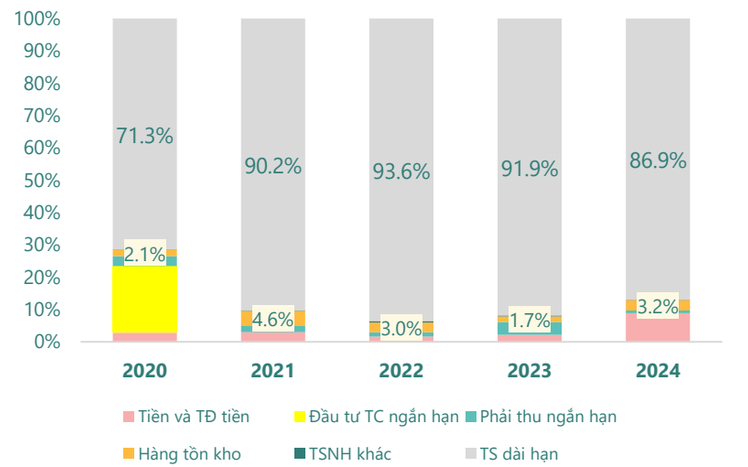
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



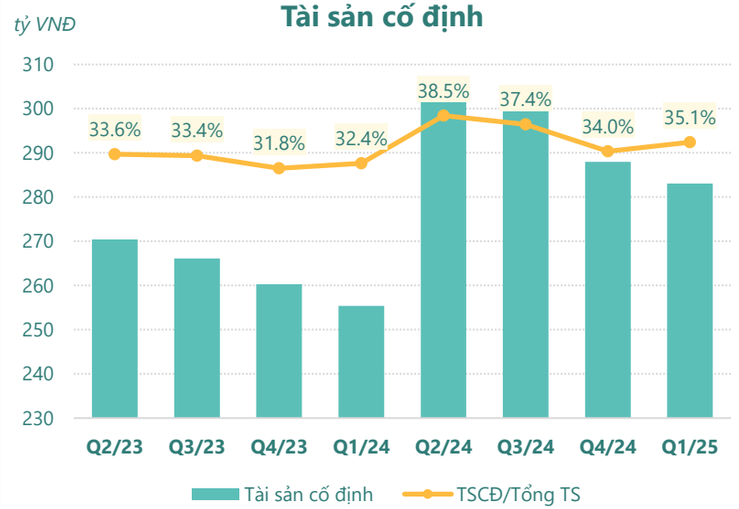
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



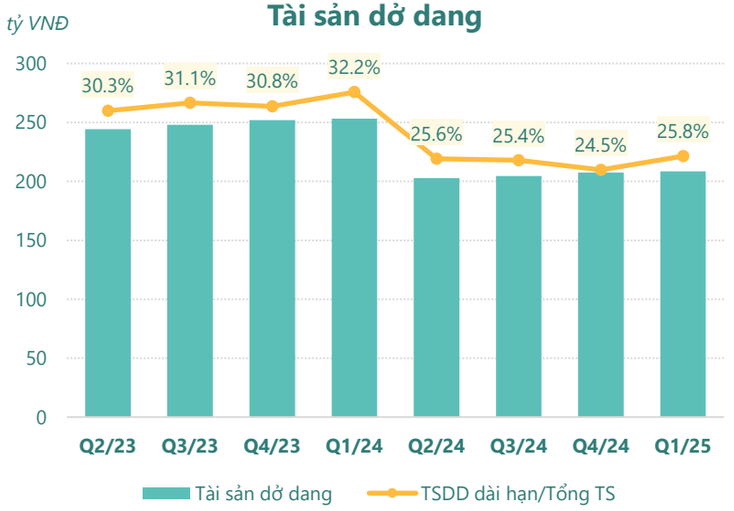
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



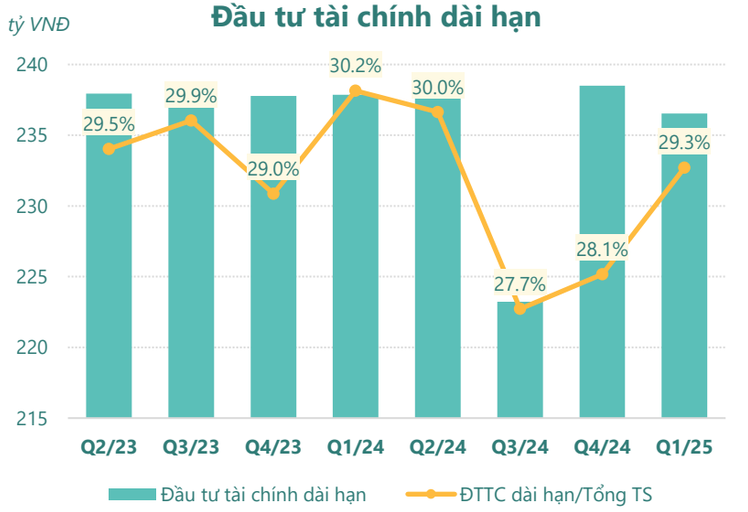
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



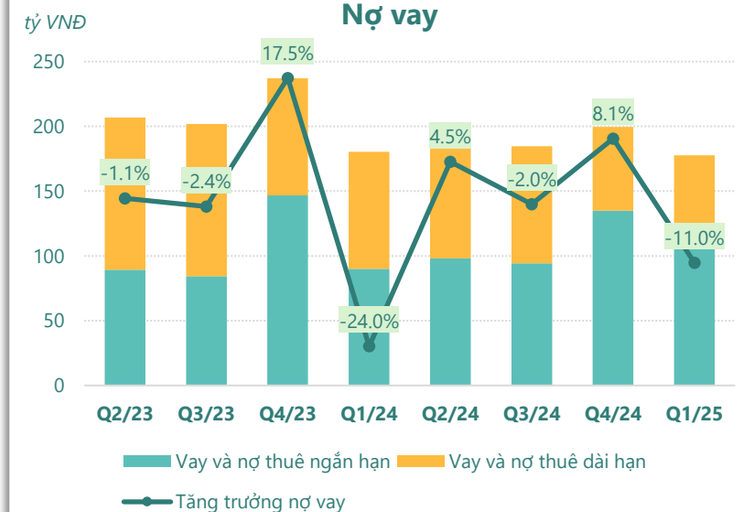
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

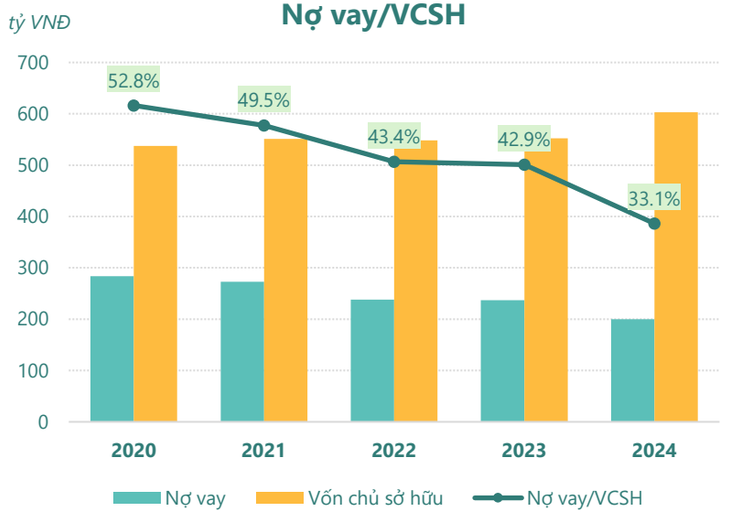
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

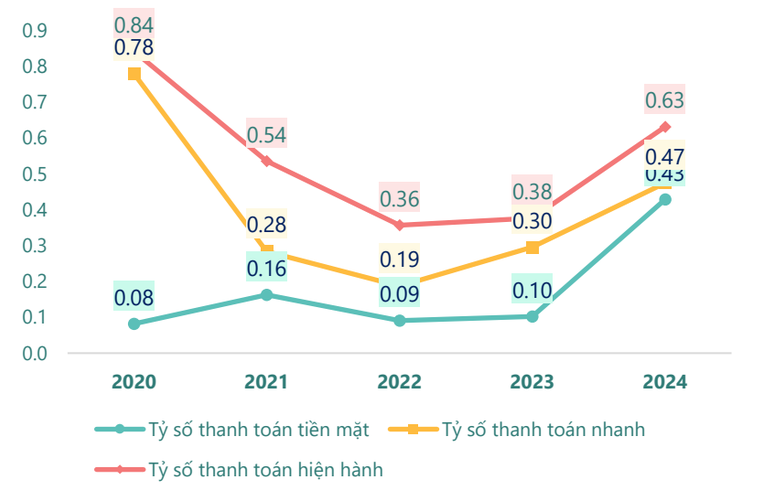
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



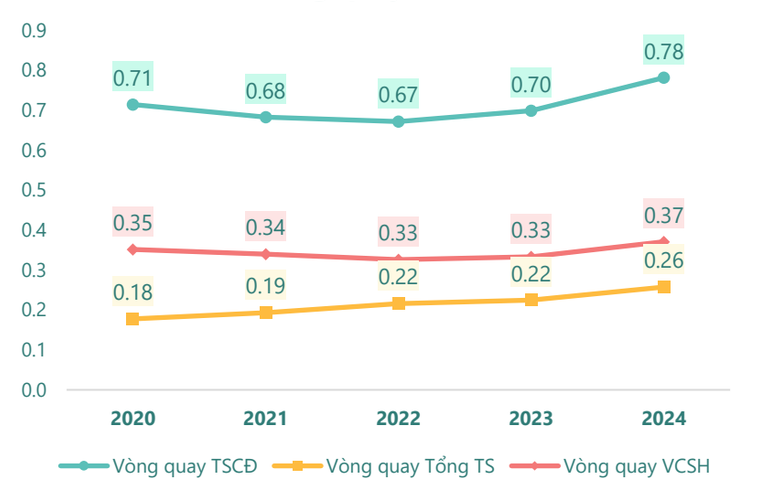
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



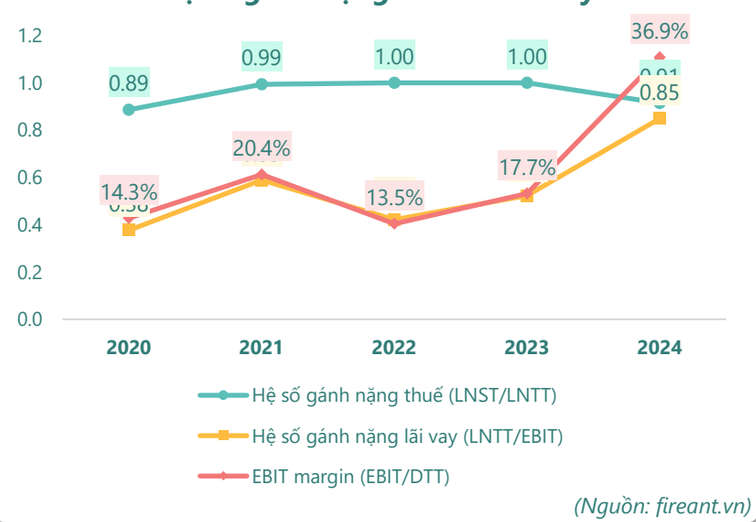
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



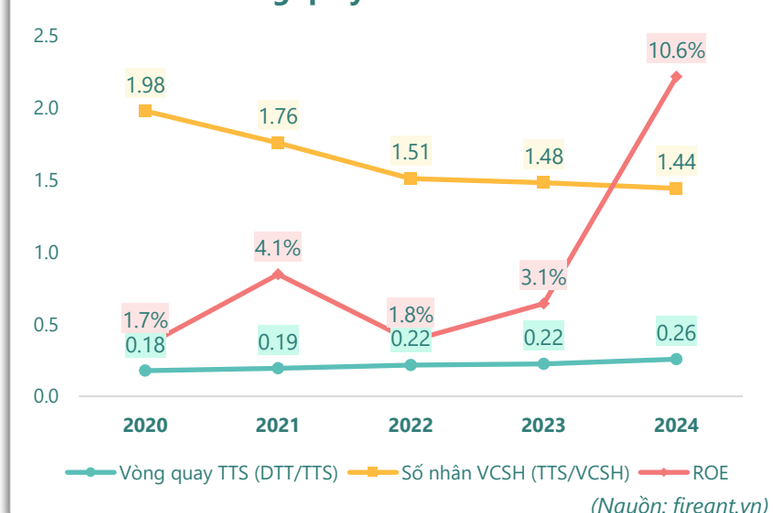
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



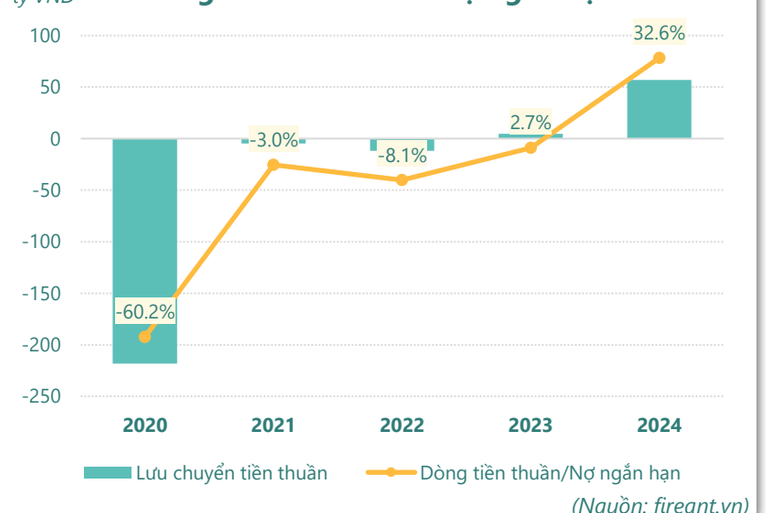
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.3**	**28.9**	**29.2%**	**214**	**183**	**17.0%**
Giá vốn hàng bán	29.4	26.2	12.0%	169	174	-2.7%
Lợi nhuận gộp	8.00	2.69	197%	45.2	9.42	380%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.13	-36.3%	16.6	37.4	-55.6%
Chi phí TC	3.05	3.02	0.8%	13.8	16.0	-14.1%
Chi phí lãi vay	3.05	3.02	0.8%	12.0	15.5	-22.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.25	0.35	-29.6%	3.30	4.13	-20.1%
Chi phí QLDN	**3.20**	**1.68**	**90.3%**	**15.4**	**16.4**	**-6.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.59	-2.24	171%	29.3	10.3	186%
Lợi nhuận khác	**0.19**	**2.65**	**-92.7%**	**37.8**	**6.73**	**462%**
LN trước thuế	1.78	0.41	335%	67.1	17.0	296%
Lợi nhuận sau thuế	**1.43**	**0.41**	**248%**	**61.4**	**17.0**	**262%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.43**	**0.41**	**248%**	**61.4**	**17.0**	**262%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.7	54.7	-4.47	24.8	-25.7	-25.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.71	-2.26	-3.74	-2.69	53.8	-0.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.2	-56.8	8.19	-3.79	15.0	-22.0
Tiền đầu kỳ	23.8	18.0	13.6	13.6	31.9	75.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.78**	**-4.37**	**-0.03**	**18.3**	**43.0**	**-47.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.00	0.00	0.01	0.04	0
Tiền cuối kỳ	18.0	13.6	13.6	31.9	75.0	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**806**	**846**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	74.8	110	-32.2%
Tiền và tương đương tiền	27.1	75.0	-63.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.21	7.17	-69.2%
Hàng tồn kho	44.0	27.4	60.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	0.83	81.3%
Tài sản dài hạn	**732**	**736**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	283	288	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	208	207	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	237	237	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**3.58**	**3.58**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	202	243	-16.9%
Nợ ngắn hạn	**134**	**175**	**-23.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	135	-16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.05	5.00	-79.1%
Nợ dài hạn	67.8	67.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	64.7	64.7	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**605**	**603**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**605**	**603**	**0.2%**
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)